

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
≡  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* **Bà Phạm Thanh Thủy.**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Huỳnh Thị Lệ**

**Ông Nguyễn Văn Bình**

- *T ký phiên toà:* **Bà Phạm Thái Trâm Anh**- T ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu - TP Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà:* **Bà Phạm Ái Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 03.6.2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HN ngày 21.6.2019 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông **Trần Minh T** - Sinh năm: 1991(có mặt)

Trú tại: 183 TH, tổ 19, phường HM, quận L, Tp.Đà Nẵng.

-*Bị đơn:* Bà **Bùi Anh T** - Sinh năm:1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: 183 TH, tổ 19, phường HM, quận L, Tp.Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án ngày 27.02.2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và bà Bùi Anh T kết hôn ngày 24 tháng 7 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HM, quận L, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp. Đến tháng 12 năm 2014, bà Bùi Anh T bỏ đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu. Đến nay, tôi không có tin tức xác thực về việc bà T còn sống hay đã chết. Tôi đã tìm kiếm bà T khắp nơi nhưng không có kết quả. Ngày 29 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã ban hành quyết định số 10/2018/QĐST-DS tuyên bố bà Bùi Anh T mất tích. Nay Quyết định đã có hiệu lực pháp luật và bà Bùi Anh T cũng không có tin tức gì, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Bùi Anh T.

- *Về quan hệ con chung; tài sản chung, nợ chung:* Tôi xác nhận không có.

\* Bị đơn, bà Bùi Anh T có nơi cư trú cuối cùng là 183 TH, tổ 19, phường HM, quận L, Tp.Đà Nẵng. Hiện nay bà Bùi Anh T không còn cư trú tại địa phương. Ông Trần Minh T đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người mất tích đối với bà Bùi Anh T theo đúng theo quy định tại Điều 389 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án này, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: thông báo thụ lý, thông báo hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, nhưng đều vắng mặt không có lý do; tại phiên toà hôm nay bà Bùi Anh T đã vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn ông Trần Minh T kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn bà Bùi Anh T không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: Xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của ông T và bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, ông T đã làm thủ tục tuyên bố bà T mất tích nên căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

-Về con chung; tài sản chung, nợ chung: ông T khai nhận không có nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:*

### **1. Về thủ tục tố tụng :**

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa ông Trần Minh T và bà Bùi Anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, không có đương sự nào xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn bà Bùi Anh T, nhưng bà Bùi Anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà Bùi Anh T.

**2. Về nội dung tranh chấp :** Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T đối với bà Bùi Anh T thì thấy:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Trần Minh T và bà Bùi Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HM, quận L, TP Đà Nẵng vào năm 2014. Theo như khai nhận của ông Trần Minh T thì trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 12 năm 2014 đến nay bà Bùi Anh T bỏ đi biệt tích và không liên lạc gì với ông Trần Minh T. Như vậy, trên thực tế, ông Trần Minh T và bà Bùi Anh T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2014. Qua đó

chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Trần Minh T và bà Bùi Anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, việc ông Trần Minh T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung; tài sản chung, nợ chung:** Ông Trần Minh T xác định không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Sau này, nếu có tranh chấp phát sinh thì các bên đương sự có quyền yêu cầu tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng ông Trần Minh T phải nộp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng:** Các Điều 51, 53, 54, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

1. Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Minh T

**Tuyên xử:** Ông Trần Minh T - sinh năm 1991 được ly hôn với bà Bùi Anh T- sinh năm 1995.

Giấy chứng nhận kết hôn số 134 cấp ngày 24.7.2014 của UBND phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

2. **Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung:** Ông Trần Minh T xác định không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. **Về án phí HNGĐ** sơ thẩm 300.000 đồng ông Trần Minh T phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006138 ngày 12.4.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, ông Trần Minh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. **Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA quận Liên Chiểu;
- UBND p.Hòa Minh, q. Liên Chiểu
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

**Phạm Thanh Thủy**